

**CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

Hà Nội, tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100106088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 05/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/07/2017.
- Vốn điều lệ: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng).
- Địa chỉ: Km01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024.38750394
- Số fax: 024.38750396
- Website: www.hawater.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): NS2
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội tiền thân là Công ty kinh doanh nước sạch số 2 Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 2882/QĐ-UB ngày 31/8/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trên cơ sở Xí nghiệp KDNS Gia Lâm thuộc Công ty nước sạch Hà Nội và tiếp nhận dự án cấp nước Gia Lâm do Chính phủ hai nước Việt Nam - Nhật Bản đầu tư xây dựng.

Tháng 7/2010, thực hiện Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Kinh doanh nước sạch số 2 Hà Nội thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty đi vào hoạt động theo Luật doanh nghiệp với loại hình trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ tháng 01/2011.

Ngày 08/6/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2588/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty TNHH MTV Nước sạch số 2 Hà Nội thành Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội, với nhiệm vụ khai thác sản xuất, cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất phát triển kinh tế xã hội của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn.

Ngày 26 tháng 06 năm 2015, Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106088, đăng ký thay đổi lần 4.

Ngày 12/10/2015, Ủy ban chứng khoán nhà nước có công văn số 6412/UBCK-QLPH chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng của Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội.

Ngày 20/09/2016, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận việc đăng ký chứng khoán của Công ty và cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 102/2016/GCNCP-VSD với số lượng cổ phiếu đăng ký là: 56.800.000 cổ phiếu.

Ngày 22/11/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 763/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của công ty và Thông báo số 1219/TB-SGDHN về việc chính thức đưa cổ phiếu của Công ty và giao dịch trên thị trường Upcom, ngày giao dịch đầu tiên của Công ty là ngày 30/11/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và cung cấp nước, tư vấn thi công xây lắp các công trình cấp nước.
- Địa bàn kinh doanh: Quận Long Biên, Huyện Gia Lâm, Huyện Đông Anh, Huyện Sóc Sơn, Huyện Mê Linh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật; chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.
- Phó giám đốc Công ty: Các phó giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc Công ty điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

- Các phòng, ban chức năng: Các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và phối hợp với các chi nhánh trực thuộc thực hiện kế hoạch chung của Công ty.

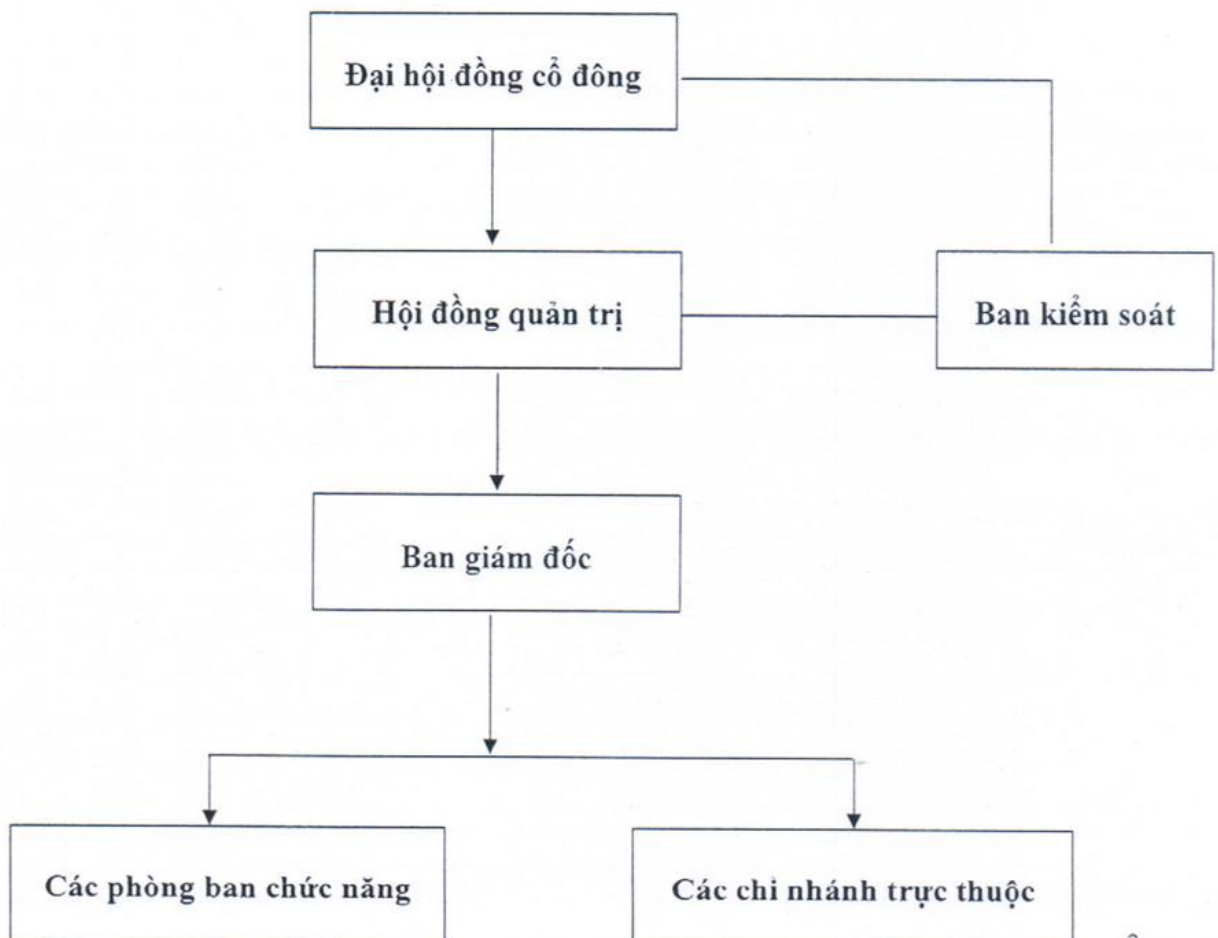
- Các chi nhánh trực thuộc: Các chi nhánh trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và 05 phòng, ban chức năng, 06 đơn vị trực thuộc:

1. Phòng Tổ chức - hành chính
2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
3. Phòng Tài chính - Kế toán
4. Phòng Kinh doanh
5. Ban quản lý dự án

1. Xí nghiệp Nước sạch Long Biên
2. Xí nghiệp Nước sạch Gia Lâm
3. Xí nghiệp Nước sạch Đông Anh
4. Xí nghiệp TVKS Thiết Kế
5. Xí nghiệp Xây Lắp Công Trình
6. Trung tâm KĐSC ĐH đo nước

b. Mô hình quản lý



4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động mọi nguồn vốn đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh.
- Mở rộng phạm vi cấp nước, tăng số lượng các hộ dân khu vực nông thôn ven đô được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước của Công ty.
- Đảm bảo dịch vụ cấp nước ngày một tốt hơn, tiến đến cấp nước an toàn phục vụ nhân dân cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn phía Bắc thủ đô.
- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, ổn định và từng bước tăng thu nhập cho người lao động.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xác định tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, cụ thể:

- Tập trung đầu tư cho phát triển nguồn: nâng công suất khai thác và sử lý nước cấp tại các trạm cục bộ để chủ động đáp ứng nhu cầu dùng nước tăng thêm của khách hàng hiện có, đồng thời, cấp nguồn nước cho các khách hàng tại các khu vực mới.
- Tập trung đầu tư phát triển mạng: mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống cấp nước công ty đang quản lý (mạng lưới đường ống cấp nước truyền tải, phân phối, dịch vụ), phù hợp với quy hoạch cấp nước thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty xác định duy trì cấp nước ổn định và từng bước tăng dân tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung do Công ty cung cấp để nâng cao đời sống người dân, góp phần ổn định tình hình xã hội trên địa bàn các quận, huyện phía Bắc thủ đô.

5. Các rủi ro:

Dự kiến nguồn khai thác nước tại các Nhà máy nước sẽ tiếp tục bị suy giảm dẫn đến giảm sản lượng cấp nước, trong khi nhu cầu tiêu thụ nước ngày càng tăng cao đặc biệt là các tháng mùa hè, dẫn đến một số khu vực dịch vụ cấp nước không đảm bảo, một số địa bàn có nguy cơ thiếu nước cục bộ tác động tiêu cực đến một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sản lượng nước thương phẩm, tỷ lệ nước thu được tiền, doanh thu tiền nước

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Những thuận lợi và khó khăn:

* Những thuận lợi :

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp và hợp tác chặt chẽ, hiệu quả của lãnh đạo các ngành, các cấp cùng chính quyền địa phương trong mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo điều kiện để Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hệ thống quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của Công ty tiếp tục duy trì nề nếp, ổn định, hiệu quả. Mô hình tổ chức đã được kiện toàn, năng lực của CBCNV được củng cố và tiếp tục nâng cao là nền tảng cho sự phát triển tích cực của Công ty.

Về công tác SXKD mặc dù theo chu kỳ hàng năm, mùa đông thời tiết thường chuyển rét sâu và kéo dài kèm theo mưa dẫn đến nhu cầu dùng nước của người dân giảm mạnh. Tuy nhiên trong năm 2018 không có nhiều đợt rét đậm kéo dài, nhu cầu dùng nước của người dân vẫn ở mức cao, sản lượng nước tiêu thụ tăng, góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

Các công trình chống TTTT triển khai trong năm 2018 ngày càng phát huy hiệu quả trong công tác phòng chống thất thoát thất thu nước sạch, nâng cao độ tin cậy của hệ thống cấp nước. Góp phần làm tăng tỷ lệ nước thu tiền, giảm và ổn định tỷ lệ nước TTTT trong năm 2018.

Thời tiết nắng nóng kéo dài cũng là một yếu tố thuận lợi, làm tăng nhu cầu sử dụng nước sạch, tăng sản lượng nước tiêu thụ, góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

* Những khó khăn:

- Trên địa bàn cấp nước phía Bắc thủ đô đã xuất hiện Nhà đầu tư hệ thống cấp nước mới, việc xây dựng mạng lưới cấp nước cho các khu vực mà Công ty chưa có hệ thống cấp nước không thể thực hiện hoặc gặp rất nhiều khó khăn trở ngại khi thực hiện, dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước, tăng trưởng doanh thu tiền nước và thậm chí thách thức mục tiêu giữ vững ổn định Công ty do một số khách hàng lớn hiện có bị đơn vị cấp nước khác lôi kéo, không sử dụng hoặc hạn chế sử dụng nước của Công ty cung cấp ...

- Bên cạnh đó, một số chính sách về thuế, phí tài nguyên có hiệu lực trong năm 2018 như nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế nhà đất văn phòng... cũng là một gánh nặng tài chính rất lớn khiến khối Văn phòng cũng rất khó khăn vất vả trong việc tham mưu đề xuất để Công ty hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

- Những dự án đầu tư cấp nước sử dụng ngân sách Thành phố bàn giao cho Công ty tiếp nhận và thực hiện thu hồi vốn đầu tư mặc dù dự án không có hiệu quả về mặt kinh doanh mà chi giải quyết vấn đề an sinh xã hội là khó khăn gây mất cân đối về tài chính của doanh nghiệp.

- Sau hơn 20 năm Công ty đi vào hoạt động, tình trạng kỹ thuật của máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ ở một số trạm cấp nước và mạng lưới các khu vực đã xuống cấp, trong khi yêu cầu về chất lượng nước, an toàn cấp nước ngày càng cao. Việc giữ vững hoạt động khai thác sản xuất nước từ nguồn nước ngầm là rất khó khăn trong bối cảnh Thành phố đang có chủ trương sử dụng nguồn nước mặt để thay thế, đòi hỏi nỗ lực rất lớn từ các phòng ban, đơn vị trong toàn Công ty để tham mưu đề xuất lãnh đạo Công ty các giải pháp, biện pháp duy trì ổn định và nâng cao chất lượng các Trạm cấp nước hiện có.

Đánh giá kết quả hoạt động năm 2018:

a. Những mặt đã đạt được

Năm 2018, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo Thành phố, các Sở ngành và lãnh đạo Công ty Nước sạch Hà Nội; sự phối kết hợp tốt với chính quyền địa phương và sự đoàn kết, nhất trí cao của tập thể CBCNV; mặc dù khối lượng công việc phải thực hiện rất lớn song Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao cụ thể:

- Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn phía bắc Hà Nội với dịch vụ cấp nước an toàn ổn định.

- Thực hiện tốt dịch vụ công cấp nước. Năm 2018 sản phẩm và dịch vụ cấp nước của Công ty đã vinh dự được bình chọn và tôn vinh “SẢN PHẨM VÀNG, DỊCH VỤ VÀNG NĂM 2018” tại Lễ tổng kết và trao chứng nhận Nhân hiệu hàng đầu Việt Nam – Sản phẩm vàng, Dịch vụ vàng Việt Nam năm 2018; dịch vụ công nâng lên cấp độ 3.

- Năm 2018 Công ty đã có bước đột phá trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác kinh doanh, quản lý và chăm sóc khách hàng thông qua việc ứng dụng một loạt phần mềm như: Phần mềm ghi đọc chỉ số trên điện thoại thông minh, phần mềm quản lý khách hàng, phần mềm hóa đơn điện tử, phần mềm dịch vụ công trực tuyến, cùng với việc thiết lập trang Web chăm sóc khách hàng tại địa chỉ <http://cshk.hawater.com.vn>. Đồng thời đưa ứng dụng “NUOCSACH2HN” vào hoạt động giúp khách hàng có thể tra cứu thông tin, đăng ký dịch vụ thuận lợi ở bất cứ đâu trên máy tính hoặc thiết bị điện thoại thông minh. Xây dựng tổng đài chăm sóc khách hàng với đầu số 1900.400.002 để phục vụ khách hàng tốt hơn, hướng tới dịch vụ VÌ KHÁCH HÀNG.

b. Những tồn tại hạn chế

Năm 2018, Công ty cũng còn một số tồn tại cần tập trung khắc phục là:

- Mặc dù các chỉ tiêu SXKD của Công ty đều đạt và vượt kế hoạch, tuy nhiên kết quả hoạt động SXKD xét về mặt hiệu quả kinh tế chưa cao
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý hệ thống cấp nước mặc dù đã có chuyển biến tích cực trong năm 2018. Tuy nhiên việc khai thác sử dụng đôi khi còn hạn chế, chưa khai thác hết hiệu quả của các phần mềm, thiết bị công nghệ đã đầu tư .
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tuy nhiên kỹ năng, tay nghề, tác phong làm việc cần được cải thiện hơn nữa.

• **Kết quả SXKD**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)	So với năm trước (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng						
a	Sản lượng cấp vào mạng	m3	41.755.675	42.765.110	43.312.778	101 %	104%
	Sản lượng nước sản xuất	m3	13.233.362	13.868.010	14.029.443	101%	106%
	SL nước cấp từ NSHN, NMN Quang Minh	m3	28.522.313	28.897.100	29.283.335	101%	103%
b	Sản lượng nước thu được tiền	m3	37.518.973	38.433.917	39.580579	103%	105%
2	Tổng doanh thu	đồng	423.526.923.154	438.423.697.000	446.613.349.253	102%	105%
	Tiền nước		387.120.275.242	394.094.697.000	406.232.357.690	103%	15%
	Xây lắp, thiết kế		26.807.375.216	37.829.000.000	24.653.347.373	65%	92%
	Khác		9.599.272.696	6.500.000.000	15.727.644.190	242%	164%
3	Doanh thu thuần	đồng	377.735.984.732	392.599.833.862	398.028.896.367	101%	105%
	Tiền nước		343.832.931.279	351.709.833.862	359.933.375.754	102%	104.7%
	Xây lắp, thiết kế		24.370.341.105	34.390.000.000	22.412.133.975	65%	92%
	Khác		9.532.712.348	6.500.000.000	15.683.386.638	241%	164.5%

4	Chi phí	đồng	361.965.021.552	376.733.014.000	382.087.693.677	101%	106%
	<i>Tiền nước</i>		337.402.740.995	343.520.317.000	351.579.752.436	102%	104%
	<i>Xây lắp, thiết kế</i>		24.042.097.166	33.212.697.000	22.121.765.229	67%	92%
	<i>Khác</i>		520.183.391	-	8.386.176.012		1612.2%
5	Chi phí khác				41.748.156		
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	15.770.963.180	15.866.819.862	15.941.202.690	100.5%	101%
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	12.616.770.511	12.693.455.890	12.744.612.521	100.4%	101%
8	Vốn chủ sở hữu	đồng	568.000.000.000	568.000.000.000	568.000.000.000	100%	100%
9	Tỷ suất LNST/VCSH	%	2.2%	2.19%	2.19%	100%	99%
10	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	đồng	57.508.038.186	59.746.791.198	62.025.711.378	104%	108%
	<i>Thuế GTGT</i>		20.156.740.917	21.024.491.693	20.933.266.692	100%	104%
	<i>Thuế TNCN</i>		4.149.453.162	4.000.000.000	2.312.980.333	58%	56%
	<i>Thuế tài nguyên</i>		5.293.344.800	5.547.204.000	5.611.777.600	101%	106%
	<i>Thuế môn bài</i>			9.000.000	9.000.000	100%	300%
	<i>Thuế đất</i>		70.172.573	75.000.000	2.474.834.796	3300%	3527%
	<i>Thuế thu nhập DN</i>		3.156.022.360	3.450.700.000	3.216.613.684	92%	102%
	<i>Phi bảo vệ môi trường</i>		24.424.107.579	24.800.395.505	26.595.757.578	107%	109%
	<i>Thuế BVMT và các loại thuế khác</i>		258.196.795	800.000.000	871.480.695	109%	338%
11	Tổng số lao động	Người	523	583	516	89%	99%
12	Tổng quỹ lương(không bao gồm lương khối XLTK)	Đồng	70.466	70.654	72.892	103.17%	103%
13	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng/người	11.227	12.090	13.233	109.46%	118%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
1.	Tạ Kỳ Hưng	<p>Ngày sinh: 15/03/1975</p> <p>Nơi sinh: Hà Nội</p> <p>Quê quán: Tiên Tân, Duy Tiên, Hà Nam</p> <p>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12/25 ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội</p> <p>Nơi ở hiện nay: 12/25 ngõ Thông Phong-phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội</p> <p>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Thạc sỹ Địa chất thủy văn</p> <p>Chức vụ: Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sở hữu của cá nhân: 33.600 cổ phần chiếm 0,0592 % tổng số cổ phần của Công ty.</p> <p>Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.</p>	Không
2.	Dương Quốc Tuấn	<p>Ngày sinh: 19/02/1964</p> <p>Nơi sinh: Hà Nội</p> <p>Quê quán: Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội</p> <p>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28 Nguyễn Trường Tộ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội</p> <p>Nơi ở hiện nay: 16/22, Phố Tân Thụy, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội</p> <p>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư xây dựng ngành Cấp thoát nước- Môi trường nước</p> <p>Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty -Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sở hữu của cá nhân: 45.200 cổ phần chiếm 0,0796 % tổng số cổ phần của Công ty.</p> <p>Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.</p>	Không
3.	Trần Thị Phương Thảo	<p>Ngày sinh: 03/10/1974</p>	<p>Sở hữu của cá nhân: 40.400 cổ</p>	Không

	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
		<p>Nơi sinh: Hà Nội</p> <p>Quê quán: Xã Văn Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội</p> <p>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 302 nhà 17T8 Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân- Hà Nội</p> <p>Nơi ở hiện nay: 302 nhà 17T8 Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội</p> <p>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư kinh tế Xây dựng</p> <p>Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>phần chiếm 0,0711 % tổng số cổ phần của Công ty.</p> <p>Sở hữu đại diện vốn Nhà nước: 13.063.972 cổ phần chiếm 23 % tổng số cổ phần của Công ty.</p>	
4.	Kiều Thị Hạng	<p>Ngày sinh: 05/12/1963</p> <p>Nơi sinh: Xã Tượng Lĩnh , Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam</p> <p>Quê quán: Xã Tượng Lĩnh , Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam</p> <p>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 02 tầng 5 Nhà A, Chung cư số 6 Đội Nhân, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội</p> <p>Nơi ở hiện nay: P2703 Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội</p> <p>Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán doanh nghiệp</p> <p>Chức vụ: Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán</p>	<p>Sở hữu của cá nhân: 40.100 cổ phần chiếm 0,0706 % tổng số cổ phần của Công ty.</p>	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 27/12/2018, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT, miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Kiều Thị

Hạt đề nghị hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/01/2019 và bổ nhiệm Bà Lê Thị Ngọc Lan – Phó phòng Tài chính – kế toán giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/01/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên (tính đến 31/12/2018): 516 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản có liên quan trong công tác quản lý lao động, đồng thời, thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, các quy chế, quy định phù hợp với loại hình công ty cổ phần quy mô lớn. Vì vậy, đời sống người lao động được duy trì ổn định, 100% người lao động được đóng bảo hiểm xã hội.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2018, Công ty đã tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, giám sát tiến độ, chất lượng thi công, rà soát khối lượng thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt. Giá trị thực hiện đạt 81.178 triệu đồng.

Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 79.104 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 1.994 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa cùng cơ sở vật chất: 80 triệu đồng.

* Tổ chức thực hiện Đầu tư xây dựng công trình cấp nước:

Năm 2018 đã tổ chức thực hiện Đầu tư xây dựng công trình cấp nước thực hiện 21/37 công trình giao kế hoạch; 16 công trình còn lại đang nghiên cứu khảo sát phục vụ lập dự án.

Trong 21 công trình tổ chức thực hiện năm 2018:

- Công trình đã hoàn thành thi công xây dựng, nghiệm thu công trình bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2018: 10 công trình:

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Long Biên năm 2017;

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Gia Lâm năm 2017;

+ Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Đông Anh năm 2017;

+ Hoàn thiện hệ thống cấp nước thị trấn Đông Anh lấy nguồn từ trạm cấp nước Đông Anh.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng

- ảnh hưởng môi trường bán kính 500-1000m từ khu LHXLC T Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn.
- + Xây dựng hệ thống cấp nước các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm.
 - + Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước khu vực Bắc Hà Nội.
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTT trên địa bàn Công ty quản lý phường Việt Hưng, quận Long Biên năm 2018.
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực từ tổ 17 đến tổ 27 phường Thượng Thanh, quận Long Biên năm 2018.
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực XNNS Gia Lâm năm 2018.
- Công trình đã hoàn thành công tác kiểm toán: 7 công trình;
- + Xây dựng hệ thống cấp nước cho cụm dân cư khu Thăng Long, huyện Đông Anh lấy nguồn từ NMN Bắc Thăng Long;
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Long Biên (năm 2017);
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Gia Lâm (năm 2017);
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Đông Anh (năm 2017);
 - + Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước khu vực Bắc Hà Nội;
 - + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTT trên địa bàn Công ty quản lý phường Việt Hưng, quận Long Biên năm 2018;
 - + Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500-1000m từ khu LHXLC T Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn.
- Công trình đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, thanh toán công nợ cho các đơn vị liên quan, tất toán công trình: 08 công trình.
- + Cải tạo thay thế, bổ sung đồng hồ tổng chia ô để quản lý đầu máy, kết hợp bổ sung hệ thống giám sát áp lực tự động khu vực Long Biên;
 - + Cải tạo thay thế, bổ sung đồng hồ tổng chia ô để quản lý đầu máy, kết hợp bổ sung hệ thống giám sát áp lực tự động khu vực Gia Lâm;
 - + Cải tạo thay thế, bổ sung đồng hồ tổng chia ô để quản lý đầu máy, kết hợp bổ sung hệ thống giám sát áp lực tự động khu vực Đông Anh;

- + Xây dựng hệ thống cấp nước cho cụm dân cư khu Thăng Long, huyện Đông Anh lấy nguồn từ NMN Bắc Thăng Long;
- + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Long Biên (năm 2017);
- + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Gia Lâm (năm 2017);
- + Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước và chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực Đông Anh (năm 2017);
- + Đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước khu vực Bắc Hà Nội.

- Công trình còn dở dang: 06 công trình

Đang thi công dở dang: 02 công trình.

- + Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực ngoài đô thị xã Đông Dư, huyện Gia Lâm.
- + Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I (bao gồm các thôn Trong Oai, Ngoài Oai, Thượng Oai, Hậu Oai, Phúc Lộc, Đản Mỗ).

Chuẩn bị triển khai thi công: 1 công trình

- + Phục hồi, cải tạo trạm cấp nước Sài Đông công suất 5.000m³/ngđ.

Đang triển khai công tác lập Báo cáo KTKT xây dựng công trình: 3 công trình:

- + Cải tạo nâng cấp dây chuyền xử lý nước truyền thống trạm cấp nước Đông Anh.
- + Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước Kiêu Kỳ.
- + Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Gia Lâm.

- Tổ chức Thi công đấu nối cấp nước vào nhà:

+ Năm 2018: Thực hiện thanh quyết toán 6.596 đầu máy hoàn thành, giá trị sản lượng phần công ty đầu tư 13.403 triệu đồng.

* Tình hình thực hiện mua sắm tài sản

- Công tác mua sắm tài sản được Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã triển khai theo kế hoạch được duyệt, năm 2018 giá trị thực hiện đạt 1.994 triệu đồng.

* Tình hình thực hiện Cải tạo sửa chữa cùng cố cơ sở vật chất

- Công tác cải tạo sửa chữa cùng cố cơ sở vật chất đang được Công ty tiến hành khảo sát phục vụ lập báo cáo KTKT xây dựng công trình. Năm 2018, đã hoàn thành phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình Xây dựng nhà đa năng TT+ HT cho Trạm cấp nước Đông Anh, giá trị thực hiện đạt 80 triệu đồng.

* Tình hình giải ngân:

- Kế hoạch vốn năm 2018 bố trí để phục vụ giải ngân cho các công trình thi công cấp nước, mua sắm tài sản và cải tạo sửa chữa cùng cơ sở vật chất của Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội là: 229.451 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn KHTSCĐ: 65.864 triệu đồng.

+ Nguồn vốn huy động: 163.587 triệu đồng.

- Thực hiện giải ngân năm 2018 đạt 78.741 triệu đồng đạt 34,32%

- Vốn KHTSCĐ: 36.906 triệu đồng (đạt 56% kế hoạch giao)

Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 35.135 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 1.766 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa cùng cơ sở vật chất: 5 triệu đồng.

- Vốn huy động: 41.835 triệu đồng (đạt 25,57% kế hoạch giao)

Trong đó: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước: 41.835 triệu đồng.

Mua sắm tài sản: 0 triệu đồng.

Cải tạo sửa chữa cùng cơ sở vật chất: 0 triệu đồng.

* Việc thực hiện giải ngân năm 2018 giảm 65,68% so với Kế hoạch giao do ảnh hưởng cả yếu tố khách quan và nguyên nhân chủ quan:

- Yếu tố khách quan: Do ảnh hưởng của yếu tố khách quan, công tác giải ngân năm 2018 giảm 44,28% so với kế hoạch giao (101.615 triệu đồng)

+ Dự án chưa được giao đất để thực hiện triển khai thi công dự án Phục hồi, cải tạo trạm cấp nước Sài Đồng công suất 5.000m³/ngđ, năm 2018 chưa thực hiện giải ngân cho dự án (61.611 triệu đồng).

+ Công tác thẩm định phê duyệt phương án đền bù GPMB Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ trong vùng ảnh hưởng môi trường bán kính 500-1000m từ khu LHXLCT Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn của UBND huyện Sóc Sơn chưa được phê duyệt ảnh hưởng đến việc quyết toán chi phí thực hiện dự án (5.082 triệu đồng).

+ Thực hiện ký kết hợp đồng tín dụng để huy động vốn đầu tư thực hiện 03 dự án (Xây dựng hệ thống cấp nước các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I, Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTT trên địa bàn Công ty quản lý phường Việt Hưng, quận Long Biên năm 2018) từ Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để được hỗ trợ lãi suất, tuy nhiên do quy trình thẩm định vay vốn quá phức tạp, thời gian thực hiện giải ngân kéo

dài nên dự án đã hoàn thành năm 2018 nhưng chưa được giải ngân (33.372 triệu đồng).

+ Thực hiện ký kết hợp đồng mua sắm vật tư phục vụ triển khai thi công Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực ngoài đê xã Đông Dư, huyện Gia Lâm các đơn vị cung cấp vật tư chậm hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán nên không thực hiện giải ngân năm 2018 (1.550 triệu đồng)

- Yếu tố chủ quan: Một số công trình thực hiện chậm tiến độ công tác giải ngân năm 2018 giảm 21,39% so với kế hoạch giao (49.095 triệu đồng).

+ Một số công trình tổ chức thực hiện chậm tiến độ nên không có khối lượng để thực hiện giải ngân: (Cải tạo nâng cấp dây chuyền xử lý nước truyền thống trạm cấp nước Đông Anh; Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước sân bay Gia Lâm; Cải tạo, bổ sung công nghệ lọc đợt 2 cho trạm cấp nước Đông Anh; Khoan thay thế giếng G2 Trạm cấp nước sân bay Gia Lâm; Khoan bổ sung 02 giếng khai thác dự phòng trạm cấp nước Yên Viên; Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Gia Lâm năm 2018; Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực huyện Đông Anh năm 2018; Đấu bổ sung tuyến ống cấp nước khu vực quận Long Biên năm 2018; Các công trình cải tạo cơ sở vật chất).

+ Một số công trình đã triển khai thi công và hoàn thành, đơn vị thi công chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán. (Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực từ tổ 17 đến tổ 27 phường Thượng Thanh, quận Long Biên năm 2018; Cải tạo, thay thế mạng lưới cấp nước, chống TTTT trên địa bàn Công ty quản lý khu vực XNNS Gia Lâm năm 2018; Xây dựng hệ thống cấp nước các khu vực còn lại của xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Xây dựng hệ thống cấp nước cho xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh giai đoạn I)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	1.157.368	1.231.273	6.4%
Doanh thu thuần	373.012	388.520	4.2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.047	6.474	-41.4%
Lợi nhuận khác	4.724	9.466	100.4%
Lợi nhuận trước thuế	15.771	15.941	1.1%

Lợi nhuận sau thuế	12.617	12.744	1.0%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	50%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng		
	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.60	1.11	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.43	1.01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.49	0.53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.01	1.14	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
• Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11.8	12.6	
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.32	0.32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.38%	3.28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.22%	2.19%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.09%	1.04%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2.96%	1.67%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 56.800.000 cổ phần
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 568.000.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tám tỷ đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 865.500 cổ phần, trong đó

+ Số cổ phần CBCNV Công ty đăng ký mua thêm theo tiêu chuẩn cam kết tiếp tục làm việc trong doanh nghiệp cổ phần hóa: 692.200 cổ phần (hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh)

+ Số cổ phần thuộc sở hữu của Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng khi có sự thông qua của Hội đồng quản trị: 173.300 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	56.800.000	568.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	54.891.400	548.914.000.000	96,64%
2	Cổ đông cá nhân	1.908.600	19.086.000.000	3,36%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổng	56.800.000	568.000.000.000	100,00

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Sản phẩm chính của Công ty là Nước sạch; dịch vụ chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho mọi đối tượng dùng nước trên địa bàn các quận huyện phía bắc Hà Nội.

- Tổng lượng nguyên liệu là nước thô khai thác từ các giếng khoan để sản xuất nước sạch năm 2017 với công suất trung bình 14,28 triệu m³/ năm để xử lý thành nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009 BYT.

b. Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Công ty đã xây dựng dây chuyền đồng bộ để thu gom toàn bộ lượng nước rửa lọc để tái chế và xử lý thành nước sạch đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009 BYT. Nước xả ra trong quá

trình sản xuất được thu gom, xử lý và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch, 100% lượng nước được thu gom tái chế sử dụng, không xả ra môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trong quá trình sản xuất của Công ty là năng lượng điện, Công ty sử dụng điện để vận hành các máy móc thiết bị trong sản xuất.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp tại các Trạm phục vụ sản xuất : 5.413.018 Kwh.

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp tại Văn phòng Công ty : 131.569 Kwh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Công ty đã thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng, trong đó đã thực hiện giải pháp tiết kiệm điện cho nguồn tiêu thụ chính là động cơ các máy bơm khai thác và cấp nước, tất cả các trạm bơm nước của Công ty đã được lắp đặt hệ thống máy biến tần để tiết kiệm điện năng tiêu thụ. Hệ thống chiếu sáng cũng được lắp đặt các loại bóng chiếu sáng tiết kiệm điện năng.

c. Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của sáng kiến: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a. Nguồn cung cấp nước và sản lượng nước sử dụng:

- Công ty tự sản xuất nước sạch để sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, nước được xử lý tuần hoàn trong dây chuyền xử lý nước đảm bảo không xả thải ra môi trường.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Toàn bộ lượng nước xả thải trong quá trình sản xuất nước được thu gom, xử lý tách cặn và tái sử dụng thông qua hệ thống tuần hoàn về dây chuyền xử lý nước sạch hiện có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Không có vi phạm bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

- Không có vi phạm bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động tính đến 31/12/2018:

- Số lượng lao động: 516 người (bao gồm 05 người quản lý công ty)

- Mức lương trung bình người/năm: 142.331.040 đồng (11.860.920 đồng/người/tháng)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tiền lương: Tiền lương, thu nhập trả cho người lao động căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của cá nhân người lao động, đảm bảo sự công bằng, minh bạch giữa tập thể và cá nhân.

- Chế độ phụ cấp: Công ty thực hiện chi trả tiền ăn ca cho toàn bộ người lao động làm việc tại Công ty (30.000 đồng/ ngày); phụ cấp xăng xe và điện thoại đối với một số vị trí chức danh công việc.

- Bảo hiểm xã hội: 100% người lao động làm việc tại Công ty được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Công ty hỗ trợ người lao động thực hiện các thủ tục đề nghị Bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho người lao động.

- An toàn vệ sinh lao động: thực hiện trang bị bảo hộ lao động, xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; mạng lưới an toàn vệ sinh viên; thực hiện kiểm tra định kỳ công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.

- Thỏa ước lao động tập thể: Công ty thống nhất với Ban chấp hành công đoàn Công ty ban hành Thỏa ước lao động tập thể quy định chế độ phúc lợi tập thể, các đảm bảo khác cho người lao động có lợi hơn so với quy định của Bộ luật Lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Tổng số lượt đào tạo trong năm 2018: 56 lượt người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Bồi dưỡng kỹ năng quản lý chi phí, quản lý tài chính doanh nghiệp sau cổ phần hóa;

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu chuyên sâu phục vụ thi sát hạch chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu;

+ Đào tạo tập huấn lớp cập nhật các quy định mới nhất về thuế và hóa đơn đang có hiệu lực pháp luật;

+ Đào tạo lớp đấu thầu qua mạng;

+ Bồi dưỡng lập kế hoạch đầu tư trung và dài hạn cho ngành CTN trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty tham gia đầy đủ, thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty

với cộng đồng địa phương thông qua việc đóng góp ủng hộ các quỹ, các tổ chức từ thiện số tiền 114.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 với sự quan tâm, Chỉ đạo của Thành phố, của các Sở ngành và lãnh đạo Công ty Nước Sạch Hà Nội, sự phối hợp tích cực của các phòng ban, sự hỗ trợ tạo điều kiện của chính quyền địa phương và sự đoàn kết, nhất trí cao của tập thể người lao động, Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã hoàn thành tốt kế hoạch SXKD và các công tác khác của năm 2018. Trong đó nhiều chỉ tiêu hoàn thành và vượt mức kế hoạch, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt: 398.028 triệu đồng đạt 101% so với kế hoạch và tăng 5% so với năm 2017.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt: 15.941 triệu đồng đạt 100.5% so với kế hoạch và tăng 1% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 12.744 triệu đồng đạt: 100.4% so với kế hoạch và tăng 1% so với năm 2017.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tổng giá trị tài sản tại ngày 31/12/2018 là: 1.231.273 triệu đồng tăng 6.4% so với thời điểm 31/12/2017 là: 1.157.368 triệu đồng.

*Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tổng tài sản:

- Hiệu suất sử dụng tổng tài sản: 0.40

$\text{Hiệu suất sử dụng tổng tài sản} = \text{Doanh thu thuần} / \text{tổng tài sản bình quân trong kỳ}$

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản(bao gồm cả tài sản ngắn hạn và dài hạn) của doanh nghiệp. Năm 2018 cứ 1 đồng tài sản của doanh nghiệp đưa vào hoạt động kinh tạo ra 0.40 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của tổng tài sản: 0.01

$\text{Hệ số sinh lời của tổng tài sản} = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{tổng tài sản bình quân}$

Hệ số sinh lời của tổng tài sản cho biết doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng tài sản sẽ tạo ra 0.01 đồng lợi nhuận sau thuế.

*Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng của tài sản ngắn hạn:

- Hiệu suất sử dụng tài sản ngắn hạn: 2.19

Hiệu suất sử dụng TSNH = Doanh thu thuần/ TSNH bình quân trong kỳ

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn nói chung) bao gồm cả hoạt động hàng tồn kho và khoản phải thu) năm 2018, doanh nghiệp bỏ ra 1 đồng TSNH đưa vào hoạt động SXKD sẽ tạo ra 2.19 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của tài sản ngắn hạn: 0.07

- Hệ số sinh lời của TSNH = Lợi nhuận sau thuế/ TSNH bình quân trong kỳ

Chỉ tiêu này phản ánh lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, chỉ tiêu này cho biết doanh nghiệp cứ đầu tư 1 đồng tài sản ngắn hạn thì thu về 0.07 đồng lợi nhuận sau thuế.

*Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ

- Hiệu suất sử dụng của TSCĐ: 0.40

Hiệu suất sử dụng của TSCĐ = Doanh thu thuần/ nguyên giá bình quân TSCĐ

Chỉ tiêu này cho biết trong năm cứ bỏ ra 1 đồng TSCĐ tạo ra 0.40 đồng doanh thu thuần.

- Hệ số sinh lời của TSCĐ: 0.013-

- Hệ số sinh lời của TSCĐ = Lợi nhuận sau thuế/ nguyên giá bình quân TSCĐ

Điều đó phản ánh cứ bỏ ra 1 đồng TSCĐ trong kỳ tạo ra 0.013 đồng lợi nhuận sau thuế.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả ngày 31/12/2018 là: 649.459 triệu đồng tăng 13% so với thời điểm 01/01/2018. Tổng nợ phải trả tăng chủ yếu là tăng các khoản nợ phải trả dài hạn. Nguyên nhân chính là do năm 2018 Công ty đã thực hiện huy động vốn bằng nguồn vay dài hạn các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để thực hiện các dự án mạng lưới cấp nước cho nhân dân khu vực 3 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ, Dự án Cải tạo trồng TTTT phường Việt Hưng, dự án xây dựng hệ thống cấp nước cho khu vực còn lại xã Yên thường, Huyện Gia Lâm...

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2018 là 1.1 lần điều đó cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là an toàn. Về mặt tài chính doanh nghiệp đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY TỔ CHỨC, MÔ HÌNH TỔ CHỨC THEO HƯỚNG PHÂN CẤP ỦY QUYỀN SÂU, CỤ THỂ CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC, TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THAM MƯU CỦA CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN TĂNG TÍNH HIỆU QUẢ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH.

- ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN CÁN BỘ, BỔ NHIỆM MỘT SỐ VỊ TRÍ CHỦ CHỐT CỦA CÔNG TY, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, XÂY DỰNG QUY CHẾ TIỀN LƯƠNG THU NHẬP GẮN TRÁCH NHIỆM

với kết quả thực hiện công việc.

- Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ công tác quản lý, kiểm soát công việc, tăng năng suất lao động, chất lượng hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

+ Doanh thu và thu nhập khác: 408.026 triệu đồng

+ Lợi nhuận trước thuế: 16.168 triệu đồng

+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: 50% lợi nhuận sau thuế

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của ban kiểm toán: không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường(tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải..)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:

Công ty luôn tạo động lực tốt nhất cho người lao động và để họ thực sự trở thành tài sản có giá trị cao nhất trên tổng giá trị tài sản, Công ty luôn tạo cảm giác thân thiện và thực sự mang lại cơ hội công bằng để mỗi nhân viên thực sự trở thành một đối tác của Công ty.

Trong quan hệ lao động, Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội thông qua việc tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định về bình đẳng giới; an toàn lao động; vệ sinh lao động; đảm bảo quyền lợi cho người lao động thông qua việc đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định, trả lương công bằng và thực hiện đầy đủ các chế độ khen thưởng, phúc lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; chủ động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động tại công ty.

Thêm vào đó, trong năm 2018, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm phát huy quyền dân chủ liên quan trực tiếp người lao động, tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Vì vậy, công ty luôn duy trì được mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, không có tranh chấp lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2018, Công ty thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương thông qua việc tích cực tham gia các hoạt động phong trào, đền ơn đáp nghĩa ở địa phương, giúp đỡ những em nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 do Đại hội đồng cổ đông bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/05/2015, gồm có 03 thành viên: 1 trưởng ban chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ SH cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Trần Thị Ngọc Bích	Trưởng ban Kiểm soát	8.800	0.0155
2	Quách Mạnh Cường	Thành viên BKS	4.200	0.0074
3	Đặng Thu Hải	Thành viên BKS	0	0

Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty nước sạch số 2 Hà Nội, năm 2018 Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty .

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quý, năm của Công ty.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và BCTC năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành. Trong năm 2018 đã thực hiện việc kiểm tra:

+ Thẩm định Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán từ kỳ 01/01/2017 đến 31/12/2017 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

+ Thẩm định báo cáo tài chính đã được soát xét của Kiểm toán kỳ 01/01/2018 đến 30/06/2018 để phục vụ cho việc công bố Báo cáo tài chính bán niên theo quy định.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

- Qua quá trình kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết đã được Đại hội

đồng cổ đông thông qua, xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành quyết liệt, thảo luận và quyết nghị các vấn đề chính yếu của Công ty. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Giám đốc phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Ngày, tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
01	15/03/2018	3/3	Thực hiện chương trình kiểm tra quyết toán BCTC năm 2018.
02	17/04/2018	2/3	Thẩm định nội dung, chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2018 của Công ty nước sạch số 2 HN.
03	17/07/2018	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý II, triển khai kế hoạch Quý III/2018 của Ban kiểm soát; Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát đợt 2 năm 2018 nội dung: kiểm tra, soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2018 đến 30/06/2018.
04	07/08/2018	3/3	Thông qua dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định BCTC 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán soát xét.
05	10/10/2018	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý III, dự kiến kế hoạch Quý IV/2018 của Ban kiểm soát;
06	28/12/2018	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý IV và cả năm 2018; Dự kiến Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2019 và Quý I/2019 của Ban kiểm soát;

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ để thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Ban kiểm soát đều được tiến hành đúng thủ tục, việc thảo luận, biểu quyết được thực hiện công khai, phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty: Công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tương đối tốt giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm 2018, các cuộc họp Hội đồng quản trị Trường ban kiểm soát cũng được cùng tham dự và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Ban kiểm soát.

Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
- Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

2. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem đầy đủ chi tiết trên website: www.hawater.com.vn

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC
Toạ Hỷ Hưng